

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GB
TỈNH BN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ- ST
Ngày 19/4/2024
V/v: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GB- TỈNH BN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông T.X.S.

Hội thẩm nhân dân: Ông H.Đ.Đ.

Ông P.D.T.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đ.D.K- Thư ký Tòa án nhân dân huyện GB.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GB: Ông P.Đ.D- Kiểm sát viên.

Ngày 19/4/2024, tại Trụ sở Tòa án, Tòa án huyện GB, tỉnh BN xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thụ lý số: 16/2023/TLST-HNGĐ ngày 19/12/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 26/3/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST- HNGĐ ngày 09/4/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị L.T.T1, sinh năm 1994.

HKTT: Thôn Môn Quảng, LN, GB, T. BN. Có mặt.

Bị đơn: Anh N.V.V, sinh năm 1989.

HKTT: Thôn Môn Quảng, LN, GB, BN. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị L.T.T1 trình bày:

Chị L.T.T1 kết hôn với anh N.V.V vào ngày 24 tháng 02 năm 2014, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu, thỏa thuận cưới có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LN, huyện GB, tỉnh BN. Cưới xong hai vợ chồng về chung sống với nhau ngay, cuộc sống chung ban đầu hạnh phúc và đã có một con chung.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tìm hiểu không kỹ, quá trình chung sống do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau dẫn đến thường xuyên cãi nhau và vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 đến nay, chị đã phải về nhà bố mẹ đẻ nương nhờ vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Từ khi chị về nhà bố mẹ đẻ nương nhờ thì anh V cũng không đến dần xếp đón chị về đoàn tụ lần nào.

Nay chị thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh V không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh N.V.V.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu N.T.T.T2, sinh ngày 29/12/2014 hiện cháu đang ở với chị, cháu được chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục và phát triển tốt. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con Thảo và không yêu cầu anh V đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi, tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập anh N.V.V đến Tòa để viết bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên hòa giải nhưng anh N.V.V không đến Tòa án làm việc theo yêu cầu của Tòa án.

Qua xác minh tại địa phương và tại gia đình anh V thì mẹ anh V là bà N.T.T2 cho biết: Con N.V.V kết hôn với chị L.T.T1 vào năm 2014, trước khi cưới hai bên được tự do tìm hiểu, cưới có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LN, huyện GB, tỉnh BN, cưới xong con Tâm về làm dâu nhà tôi ngay, cuộc sống chung của hai con ban đầu không có điều tiếng gì, hiện đã có một con chung là cháu N.T.T.T2, sinh ngày 29/12/2014. Nguyên nhân mâu thuẫn hai con là do không hợp nhau nên xảy ra mâu thuẫn vợ chồng hai con đã sống ly thân từ ngày 21 tháng 9 năm 2017 đến nay không còn chung sống với nhau nữa. Trước mâu thuẫn của hai con hai bên gia đình đã giàn xếp nhưng không được. Nay con T1 xin ly hôn con V ý kiến gia đình cũng đồng ý và nhờ pháp luật giải quyết. Về con chung của hai con là cháu T2 hiện đang ở với mẹ, khi ly hôn con Tâm đề nghị được nuôi cháu T2 gia đình tôi cũng đồng ý còn khi nào con T1 đi lấy chồng khác thì gia đình tôi sẽ đón cháu về. Tài sản chung và công nợ của hai con không có. Con V đi làm ăn thường không có nhà nên tôi có trách nhiệm thông báo và giao giấy tờ, tài liệu của Tòa án cho con V. Nếu cháu không đến làm việc thì đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa Chị T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh V. Về con chung chị nhận được nuôi dưỡng cháu N.T.T.T2, sinh ngày 29 tháng 12 năm 2014 và không yêu cầu anh V đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và công nợ chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án là đúng pháp luật. Đối với việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chị L.T.T1 được ly hôn anh N.V.V.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu N.T.T.T2 cho mẹ là chị L.T.T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con Chị T1 không yêu cầu nên không giải quyết. Về tài sản và công nợ không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị T1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh N.V.V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L.T.T1 và anh N.V.V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã LN, huyện GB, tỉnh BN cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên xác định quan hệ hôn nhân này là hợp pháp.

Chị T1 trình bày quá trình chung sống cùng nhau vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn do trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau do tính tình không hợp. Mâu thuẫn vợ chồng đã diễn ra thời gian dài, thực tế vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2019, chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở QV, BN để sinh sống không còn chung sống cùng anh V nữa. Lời trình bày của Chị T1 phù hợp với lời trình bày của bà N.T.T3 là mẹ đẻ anh V. Tòa án công nhận lời trình bày trên của các bên về mâu thuẫn vợ chồng là thật.

Xét thấy Chị T1 và anh V sống ly thân đã lâu, không còn quan hệ tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh V vẫn không đến Tòa làm việc và vắng mặt không tham gia hòa giải.

Từ những phân tích trên, HĐXX nhận định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị T1 và anh V là có thật, mâu thuẫn trở nên trầm trọng, không có biện pháp nào để hòa giải đoàn tụ, đời sống chung vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; Chị T1 và anh V không còn duy trì mối quan hệ vợ chồng không quan tâm, chăm sóc yêu thương nhau, đơn xin ly hôn của Chị T1 là có căn cứ chấp nhận, nên cần xử cho Chị T1 được ly hôn anh V.

[3] Về con chung: Chị T1 và anh V có 01 con chung là N.T.T.T2, sinh ngày 29/12/2014, hiện nay cháu đang ở với mẹ, do mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu hoàn toàn khỏe mạnh, phát triển bình thường và được học hành đầy đủ. Chị T1 có đủ điều kiện về vật chất và tinh thần để chăm sóc nuôi dưỡng con tốt, anh V đi làm ăn, thường xuyên vắng nhà nên không có điều kiện chăm sóc con. Mặt khác khi ly hôn Chị T1 có nguyện vọng tiếp tục được nuôi dưỡng con chung, cháu T2 đã trên 7 tuổi, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của Chị T1 giao con chung cho Chị T1 là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật, tình hình thực tế và nguyện vọng của con chung.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị T1 không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ của vợ chồng đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, xử lý trong vụ án này.

[3] Về án phí ly hôn Chị T1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

Xét ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 91, 92, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51; 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử:

- *Quan hệ hôn nhân*: Chị L.T.T1 được ly hôn anh N.V.V.

- *Về con chung*: Giao con chung là cháu N.T.T.T2, sinh ngày 29/12/2014 cho chị L.T.T1 là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Sau khi ly hôn quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- *Án phí*: Chị L.T.T1 phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0002693 ngày 19/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện GB, tỉnh BN.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt án vắng mặt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh BN;
- VKS tỉnh và huyện;
- THADS huyện GB;
- Đương sự;
- UBND thị trấn GB;
- Lưu hồ sơ, VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

T.X.S